

Bản án số: 803/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 17-7-2017

V/v Tranh chấp “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Đang;

2. Bà Nguyễn Thị Năm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn An Lập - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 443/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1963; Địa chỉ: Đường M, Phường L, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn P, sinh năm 1966; Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Đường V, Phường M1, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh;

Tạm trú: Đường M, Phường L, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà T và Ông P có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/4/2017 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Bà và ông Trần Văn P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn do ông, bà thiếu hiểu biết pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn vì không hòa hợp tính tình, Ông P sống không chung thủy nên tình cảm vợ chồng rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Bà T đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Trần Văn P.

- Về con chung: Quá trình chung sống có một con chung tên Trần Văn H, sinh ngày 17/3/2000. Ngoài ra, không có con chung nào khác. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu Ông P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có tài sản chung và không thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai đề ngày 12/5/2017 và biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 14/6/2017, bị đơn là ông Trần Văn P trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn do ông, bà không hiểu biết pháp luật, kinh tế khó khăn, không đủ điều kiện đi lại. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh từ đầu năm 2017 vì Bà T thường xuyên ghen tuông, không tin tưởng ông, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và Bà T, Ông P thống nhất và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về con chung: Quá trình chung sống có một con chung tên Trần Văn Hậu, sinh ngày 17/3/2000. Ngoài ra, không có con chung nào khác. Ông P đồng ý giao trẻ Hậu cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Xin tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi Bà T có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông P xác định không có tài sản chung và không thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trần Văn P; về nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Văn Hậu, sinh ngày 17/3/2000 cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho Ông P cho đến khi Bà T có yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không xem xét giải quyết; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc Bà T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trần Văn P có đơn xin vắng mặt đề ngày 28/6/2017 cùng có yêu cầu đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và Tòa án nhân dân Quận 8 đã tiến hành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử theo qui định của Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử vắng mặt đối với Bà T, Ông P theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn yêu cầu giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng, đây là quan hệ hôn nhân được điều chỉnh bởi Luật Hôn nhân và gia đình; Bị đơn hiện đang cư trú tại Quận 8 nên vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự: Năm 1999 bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trần Văn P tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm các qui định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đã qui định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cũng quy định: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng”. Bị đơn thống nhất và đồng ý với lời trình bày, yêu cầu của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân. Do đó, yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống giữa Bà T và Ông P có một con chung tên Trần Văn H, sinh ngày 17/3/2000. Xét nguyện vọng của trẻ H tại bản tự khai đề ngày 15/6/2017 trình bày “nếu ba mẹ không còn chung sống với nhau nữa con có nguyện vọng được sống với mẹ”. Nay Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu Ông P cấp dưỡng nuôi con. Ông P cũng đồng ý giao con chung cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng, xin tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi Bà T có yêu cầu. Như vậy, theo sự thỏa thuận của các đương sự và để bảo vệ quyền lợi và sự phát triển tốt cho con chung, việc tiếp tục giao con chung cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho Ông P cho đến khi Bà T có yêu cầu là phù hợp. Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền ngăn cản quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trần Văn P đều thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trần Văn P.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Văn H, sinh ngày 17 tháng 3 năm 2000 cho bà Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông Trần Văn P cho đến khi Bà T có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con chung được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trần Văn P xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét .

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0027154 ngày 13 tháng 4 năm 2017 của Chi thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trần Văn P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Tuyết Loan